

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày 29/12/2023	300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

Hệ số nguy cơ phá sản

Z - score (sản xuất)
2023

1.05
(B2)

Nguy hiểm

Hệ số nguy cơ phá sản

Z'' - score (phi sản xuất)
2023

1.05
(B2)

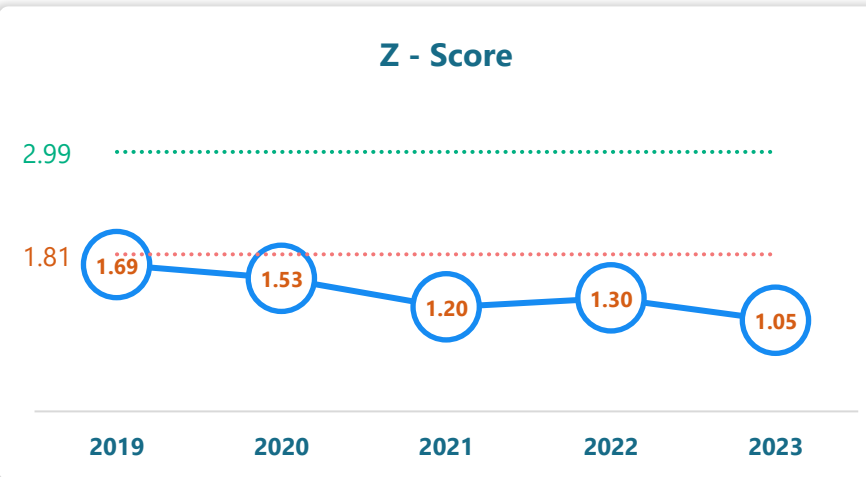
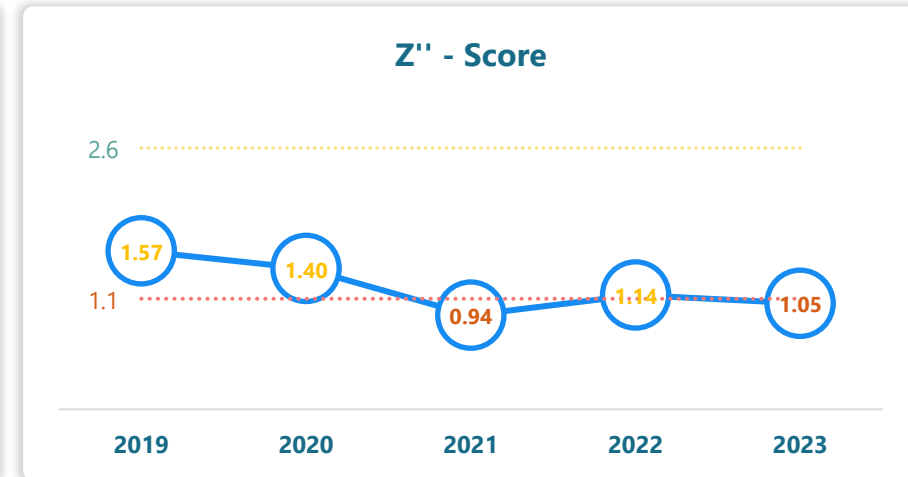
Nguy hiểm

DT thuần	2023	YoY
	132	▼ 20.0
	tỷ VNĐ	▼ 13.4%

LN sau thuế	2023	YoY
	10.2	▼ 0.60
	tỷ VNĐ	▼ 5.9%

ROE	2023	+/- YoY
	18.1%	▼ 2.8%

ROA	2023	+/- YoY
	5.6%	▼ 1.4%



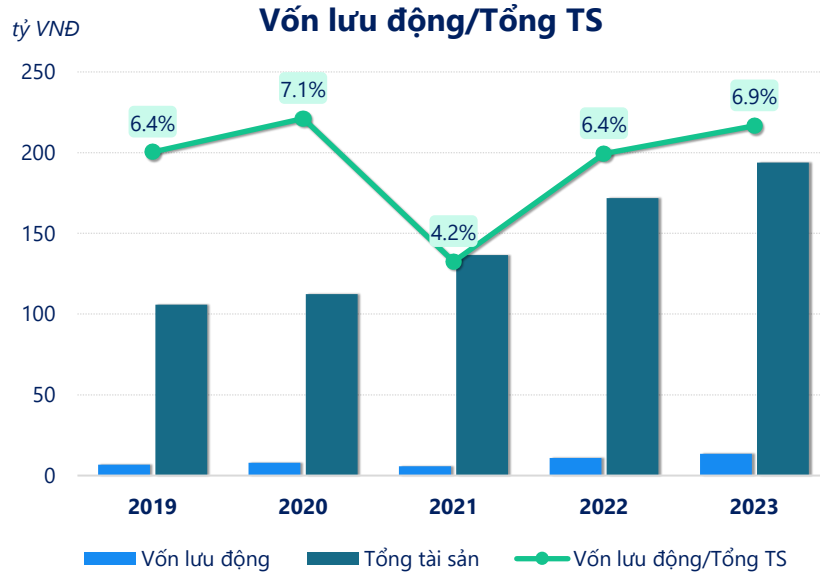
Xét với doanh nghiệp sản xuất: **Z-Score** của **CPH** năm **2023** đạt **1.05**, **thấp hơn** so với năm 2022 (1.30). **Z-Score** < **1.81**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: **Z''-Score** của **CPH** năm **2023** đạt **1.05**, thể hiện mức độ rủi ro phá sản rất cao, điều này cho thấy tình hình tài chính bất ổn rủi ro cao về thanh toán nợ.

Năm **2023**, **CPH** ghi nhận doanh thu thuần **131.8** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **10.17** tỷ đồng, lần lượt **giảm 13.4%** và **giảm 5.88%** so với năm trước.

Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức **ROE** đạt **18.1%** cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.

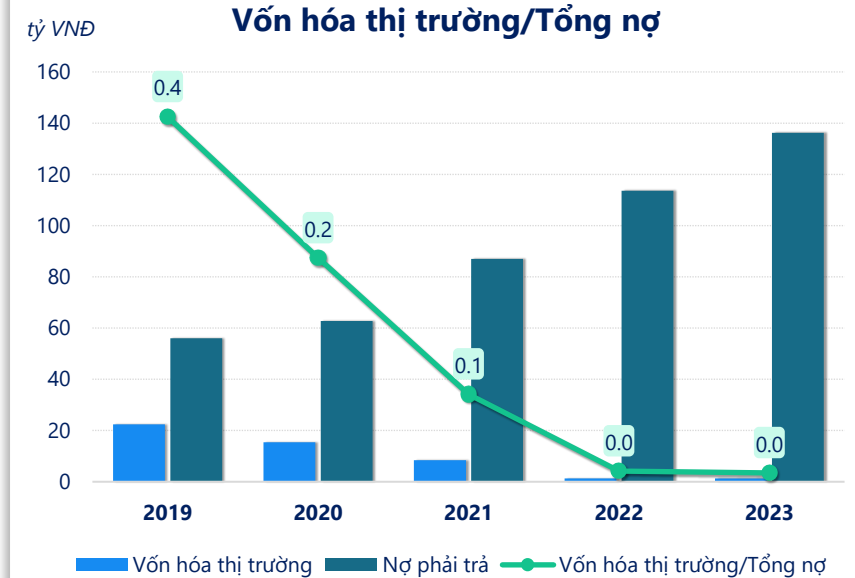
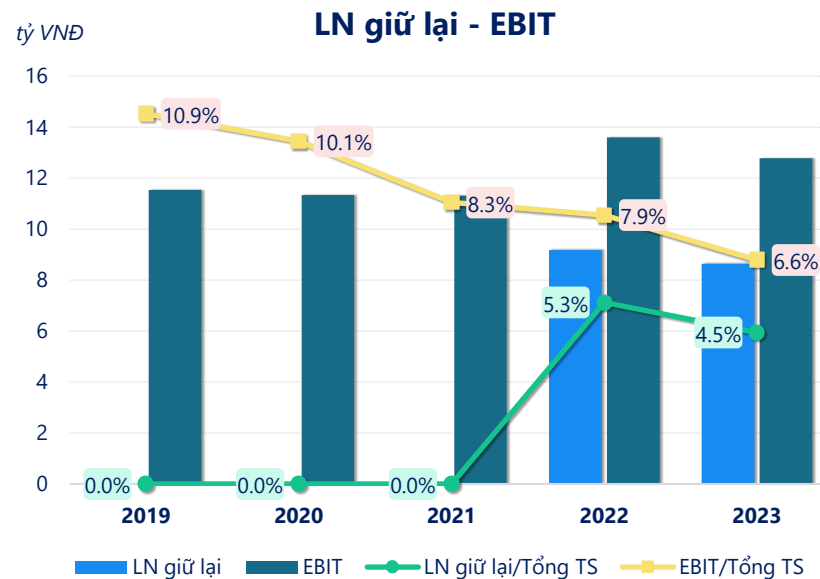
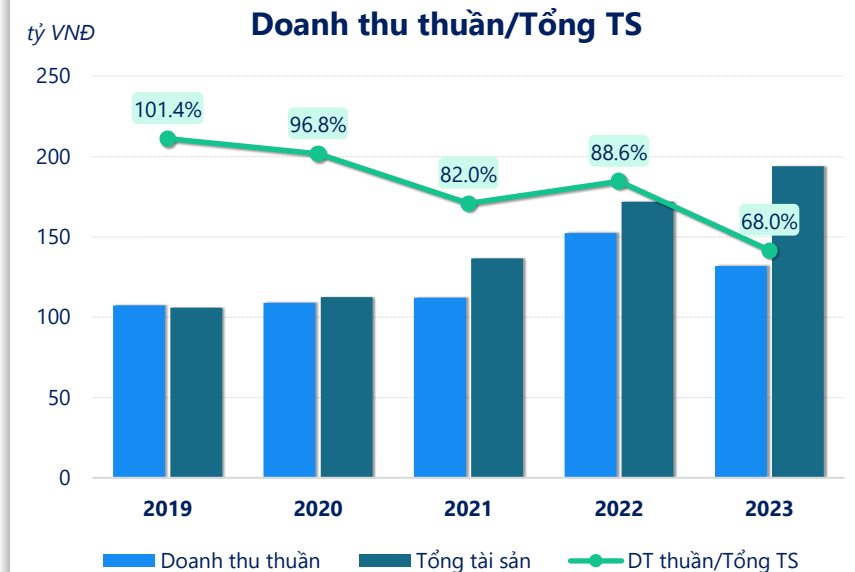
CTCP Phục vụ mai táng Hải Phòng (UPCOM: CPH)



Vốn lưu động > 0 và **tăng** so với năm trước cho thấy công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khá tốt. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ dưới 1 có thể cho thấy công ty đang gặp phải một số thách thức trong việc tạo ra giá trị cho cổ đông hoặc chưa thực sự quản lý nợ một cách hiệu quả.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	194	172	12.8%
Tài sản ngắn hạn	150	125	20.1%
Tiền và tương đương tiền	43.1	30.6	41.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	6.63	10.7	-38.2%
Hàng tồn kho	99.8	83.3	19.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.10	0	
Tài sản dài hạn	44.2	47.3	-6.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	17.8	21.9	-18.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.50	0.54	-6.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	25.9	24.8	4.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	136	114	19.9%
Nợ ngắn hạn	136	114	19.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.87	5.22	12.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	57.6	58.2	-1.0%
Vốn chủ sở hữu	56.1	56.1	0.0%
Vốn điều lệ	44.0	44.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	1.54	2.10	-27.1%

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	107	109	112	152	132
Giá vốn hàng bán	75.2	76.6	82.4	110	91.8
Lợi nhuận gộp	32.2	32.3	29.7	41.9	40.1
Doanh thu HĐTC	0.39	0.35	0.24	1.08	1.56
Chi phí TC	0	0.00	0.00	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.49	2.05	1.99	1.96	1.84
Chi phí QLDN	17.4	18.6	20.5	27.4	26.5
LN thuần từ HĐKD	13.6	12.0	7.37	13.6	13.3
Lợi nhuận khác	-2.11	-0.67	3.95	-0.04	-0.53
LN trước thuế	11.5	11.3	11.3	13.6	12.8
Lợi nhuận sau thuế	9.06	9.06	9.03	10.8	10.2
LNST của CĐ cty mẹ	9.06	9.06	9.03	10.8	10.2

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.17	3.64	18.0	19.4	20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.41	-0.87	-0.86	-0.30	1.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.22	-7.22	-7.22	-7.21	-8.61
Tiền đầu kỳ	13.6	13.2	8.75	18.7	30.6
Lưu chuyển tiền thuần	-0.46	-4.44	9.93	11.9	12.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.2	8.75	18.7	30.6	43.1